TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2021
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Thạch Thị So P**, sinh năm 1996 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Trú tại: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Quan P**, sinh năm 1993 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Trú tại: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà **Thạch Thị So P** trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Quan P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà So P yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

*Bị đơn ông **Trần Quan P** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Thạch Thị So P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông P yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định và đồng ý ly hôn với bà So P.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện và bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Do, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

- Về nội dung:

[3] Bà So P và ông P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà So P và ông P chung sống với nhau không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc đến nhau và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, giữa bà So P và ông P yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn lại được.

[5] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau

và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

[6] Xét, mâu thuẫn giữa bà So P và ông P đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà So P và ông P, phù hợp với Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Không có.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Về án phí: Do, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà So P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được đối trừ số tiền 300.000 đồng mà bà So P đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004855 ngày 14/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (bà So P đã dự nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Thạch Thị So P và ông Trần Quan P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Buộc bà Thạch Thị So P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được đối trừ số tiền 300.000 đồng mà bà So P đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004855 ngày 14/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (bà So P đã dự nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thành Quang